

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/DS-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Nguyên và ông K’Luận

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố x (Khu phố NL 1 cũ), phường TP, thành phố Đồng Nai.

CCCD số: 042165010303

- Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1971

Căn cước công dân số: 038171014109

2/ Ông **Vũ Văn Báu** – sinh năm 1970

Căn cước công dân số: 038070031321

Cùng địa chỉ: Ấp PA (Ấp 8 cũ), xã NCT, thành phố Đồng Nai.

(Bà T, ông B có đơn vắng mặt; bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 01/01/2025, bà T có cho bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), vay không thời hạn, lãi suất 1,7%/tháng theo “Hợp đồng vay tiền” ngày 01/01/2015 do bà L, ông B ký tên xác nhận. Bà L và ông B nhiều lần hứa hẹn nhưng chưa thanh toán tiền gốc, tiền lãi trả được một phần.

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B trả số tiền gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền lãi (gồm tiền lãi trong hạn từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2016 là 9%/năm, tiền lãi trong hạn từ 01/01/2017 đến ngày 03/5/2026 là 20%/năm, tiền lãi quá hạn 30%/ năm tính từ ngày 04/5/2026 đến khi trả nợ xong).

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận bà L và ông B có vay của bà T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vay không thời hạn, lãi suất 1,7%/tháng theo “Hợp đồng vay tiền” ngày 01/01/2015 do bà L, ông B ký tên xác nhận; ông bà chưa trả tiền gốc, đã trả một phần tiền lãi 150.000đ/tháng nhưng không nhớ cụ thể và không có giấy tờ gì. Bà thừa nhận có trách nhiệm trả tiền gốc, tiền lãi như bà T khởi kiện nhưng xin không tính lãi.

Tại lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Vũ Văn B trình bày:

Ông B thừa nhận có vay của bà T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2015 do bà L và ông B ký tên xác nhận; chưa trả tiền gốc, bà L đã trả một phần tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể. Ông thừa nhận có trách nhiệm trả tiền nợ gốc, tiền lãi như bà T khởi kiện nhưng xin không tính lãi và xin trả dần.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bà T, ông B có đơn vắng mặt, bà L vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B có nơi cư trú tại xã NCT, thành phố Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà L và ông B có nghĩa vụ trả số tiền đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T khởi kiện bà L và ông B nên xác định tư cách đương sự bà T là nguyên đơn, bà L và ông B là bị đơn; quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 149 Bộ luật dân sự và Điều 184, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự không đề nghị xem xét thời hiệu nên Tòa án thụ lý vụ án và giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B trả số tiền gốc 5.000.000 (Năm triệu đồng) và tiền lãi (gồm tiền lãi trong hạn từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2016 là 9%/năm, tiền lãi trong hạn từ 01/01/2017 đến ngày 03/5/2026 là 20%/năm, tiền lãi quá hạn 30%/ năm tính từ ngày 04/5/2026 đến khi trả nợ xong).

[2.1] Các đương sự đã thừa nhận, thống nhất đối với nội dung bà L và ông B nợ bà T số tiền gốc 5.000.000 (Năm triệu đồng) và tiền lãi, có viết giấy xác nhận tay mượn tiền do bà L, ông B ký tên xác nhận. Đây là giao dịch dân sự do các bên bà T, bà L, ông B tự nguyện ký kết, có năng lực hành vi dân sự, mục đích và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, có giá trị pháp lý đối với các bên.

[2.2] Đối với nội dung bà L, ông B trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị bà T không tính tiền lãi; các bên xác định khi vay không thế chấp tài sản gì, không liên quan đến ai khác. Do bà T không đồng ý giảm lãi nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.3] Tiền lãi được tính như sau:

+ Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2016: $5.000.000đ \times 150\% \times 0,75\%/tháng$ (tương ứng 9%/năm) $\times$ (02 năm) = 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Tiền lãi trong hạn tính từ 01/01/2017 đến ngày 03/5/2026: $5.000.000đ \times 20\%/năm \times 09$ năm 04 tháng 02 ngày = 9.338.889đ, làm tròn là 9.339.000đ (Chín triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng).

+ Tiền lãi quá hạn từ ngày khởi kiện 04/5/2026 đến ngày xét xử 31/7/2026: $5.000.000đ \times 30\%/năm \times 02$ tháng 27 ngày = 362.500đ (Ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Bà T thừa nhận bà L, ông B đã tiền lãi đến nay là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nhưng không nhớ cụ thể đối với các lần trả và không có giấy tờ gì, không yêu cầu tính toán lại; bị đơn thừa nhận có trả một phần tiền lãi nhưng không nhớ rõ cụ thể; nên ghi nhận số tiền lãi theo trình bày của bà T là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Đối với bị đơn đề nghị giảm lãi nhưng bà T không đồng ý giảm lãi.

Tổng số tiền lãi còn phải thanh toán là $1.350.000đ + 9.339.000đ + 362.500đ - 3.000.000đ = 8.051.500đ$ (Tám triệu không trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

[2.4] Tổng số tiền bà L, ông B phải trả tính đến ngày 31/7/2026 là: 5.000.000đ + 8.051.500đ = 13.051.500đ (Mười ba triệu không trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

[3] Đối với nghĩa vụ thực hiện, bị đơn đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ trả số tiền của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 122, Điều 234, Điều 290, Điều 305, Điều 405, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 117, Điều 223, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 688 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và tiền nợ lãi 8.051.500đ (Tám triệu không trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng); tổng cộng là 13.051.500đ (Mười ba triệu không trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Văn B thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng